

# XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG HỌC TẬP NGỮ VĂN - MỘT BIỆN PHÁP BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGỮ VĂN CHO HỌC SINH QUA DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG Ở NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRẦN THỊ HẠNH PHƯƠNG\*

Ngày nhận bài: 15/05/2017; ngày sửa chữa: 16/05/2017; ngày duyệt đăng: 17/07/2017.

**Abstract:** Teaching the reading comprehension plays an important role in improving competence and skills of reading literary works as well as forming individual reading style. Building cases for literature study, particularly in teaching of text reading comprehension is an effective measure to promote initiative and the positive of students in learning as well as improve competence of reading of students at high schools.

**Keywords:** Cases, situations, competence, skills, reading comprehension, literary work.

## 1. Đặt vấn đề

Cùng với việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học cũng được đặt ra bức thiết và thu hút được sự quan tâm của khá nhiều nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục cũng như giáo viên (GV) của các cấp học, bậc học. Nghị quyết TW 4 đã xác định đổi mới phương pháp dạy học nghĩa là phải “*khuyến khích tự học*”, phải “*áp dụng những phương pháp dạy học hiện đại để bồi dưỡng cho học sinh (HS) năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề*”... Điều đó cũng có nghĩa là người dạy phải biết hướng tới các hoạt động nhằm kích thích, rèn luyện tính tích cực, chủ động và sáng tạo, độc lập trong tư duy của HS. Mục đích cuối cùng của quá trình dạy học là phải giúp người học có khả năng tiếp cận những tri thức mới, có được những kĩ năng mới, hiện đại, đồng thời có được những năng lực cốt lõi, năng lực đặc thù và có thể tham gia một cách chủ động, tích cực vào trong đời sống thực tiễn.

Chương trình Ngữ văn Việt Nam từ sau năm 2000 đã khẳng định dạy học đọc hiểu là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm bồi dưỡng cho HS năng lực đọc văn, kĩ năng đọc văn, hình thành cách đọc riêng có cá tính. Xây dựng những tình huống học tập Ngữ văn cụ thể trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương là hướng đi đúng đắn, phát huy được tính chủ động, tích cực cũng như bồi dưỡng năng lực Ngữ văn cho HS ở nhà trường trung học phổ thông.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lí luận của việc xây dựng tình huống học tập

Lí thuyết kiến tạo được phát triển từ khoảng những năm 60 của thế kỉ XX với những đại diện tiêu biểu là Piaget, Vygotsky... Ngay từ khi mới ra đời, lí thuyết này đã có những ảnh hưởng sâu rộng trong giáo dục và đã trở thành một xu hướng hiện đại theo hướng phát huy tính tích cực của người học.

Tư tưởng nền tảng cơ bản của thuyết kiến tạo chính là đặt vai trò của chủ thể nhận thức lên vị trí hàng đầu của quá trình dạy học. Khi học tập, mỗi người hình thành một thế giới quan riêng của mình. Tất cả những gì mà mỗi người trải nghiệm thấy sẽ được sắp xếp vào trong “*bức tranh toàn cảnh về thế giới*” của người đó. Điều đó cũng có nghĩa là tự kiến tạo riêng cho mình một bức tranh thế giới. Học tập theo thuyết kiến tạo chính là quá trình cá nhân hình thành tri thức cho mình. Đây chính là cách học tập mà người học có cơ hội tự tìm hiểu, khám phá và cũng tự mình điều chỉnh quá trình học tập của chính mình dưới sự hướng dẫn, tổ chức và giúp đỡ của GV. Theo quan điểm này, người học không thụ nhận một cách thụ động những tri thức do người khác truyền cho một cách áp đặt, mà bằng cách đặt mình vào trong một môi trường tích cực, phát hiện ra vấn đề, giải quyết vấn đề bằng cách đồng hóa hay điều ứng những kiến thức và kinh nghiệm đã có cho thích ứng với tình huống mới, từ đó xây dựng nên những hiểu biết mới cho bản thân.

Thuyết kiến tạo cũng chỉ rõ học chính là quá trình phát hiện và sáng tạo một cách tích cực của chủ thể nhận thức, không phải là sự tiếp thu thụ động từ GV; và tri thức chính là sản phẩm của hoạt động phát hiện và sáng tạo của chính người học. Mỗi người xây dựng kiến thức cho bản thân mình một cách khác nhau dù trong cùng một hoàn cảnh giống nhau. Theo đó, học tập là một quá trình hoạt động xã hội, quá trình kiến tạo tri thức cùng với các thao tác trí tuệ tương ứng (cách tạo ra những kiến thức).

Học tập kiến tạo dựa trên sự tham gia của người học vào việc giải quyết vấn đề và những suy nghĩ có tính phê phán trong hoạt động mà HS thấy phù hợp và hứng thú. Học tập kiến tạo cho phép HS xây dựng nên tri thức cho chính mình bằng các thử nghiệm, các ý tưởng từ những

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

kinh nghiệm và hiểu biết đã có, từ đó áp dụng những hiểu biết này vào những tình huống mới và liên kết với những kiến thức mới. Nói cách khác, học tập chính là quá trình tìm tòi, khám phá, phát hiện. HS phải là người tự lực, tích cực hành động tìm tòi, khám phá đối tượng học tập để hình thành cho mình những nguyên tắc, các ý tưởng cơ bản từ các tình huống học tập cụ thể. Cách tiếp cận này tương phản với những cách tiếp cận truyền thống thông qua hoạt động đã được tổ chức trên lớp; trong đó, HS chỉ đơn thuần là nơi chứa đựng một cách thụ động những thông tin mà GV cung cấp.

Học tập khám phá, phát hiện chỉ thực sự có hiệu quả khi GV tạo được những cơ hội, môi trường học tập mang tính kiến tạo, phát hiện. Đó là một môi trường thân thiện, tích cực giữa GV và HS. Ở đó có sự tương tác cao giữa GV và HS; giữa HS với HS; giữa HS với tài liệu học tập. Trong môi trường kiến tạo chứa đựng nhiều mâu thuẫn, thách thức đối với HS đồng thời cũng tạo ra những thách thức cho kiến thức cũ của HS, buộc HS phải điều chỉnh hoặc thay đổi cách nhìn nhận của mình.

## 2.2. Cách thức thực hiện

Mục đích của dạy học là làm thay đổi người học, vì vậy quá trình dạy học phải căn cứ vào đặc điểm nhận thức của người học, từ đó có thể đưa ra những cách thức, những biện pháp cụ thể nhằm phát huy tối đa năng lực của chủ thể HS.

Tư duy chỉ bắt đầu ở nơi xuất hiện những tình huống có vấn đề. Thông qua việc xây dựng những tình huống học tập Ngữ văn cụ thể, GV đưa HS vào các tình huống có vấn đề, nảy sinh mâu thuẫn đòi hỏi phải được giải quyết. Đây có thể xem là biện pháp tối ưu nhằm hướng dẫn HS sử dụng đầu óc và năng lực trí tuệ kết hợp với sự nhạy cảm, tinh tế của bản thân để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập; và vấn đề được giải quyết, vướng mắc được tháo gỡ chỉ khi nào HS biết huy động, sử dụng những vốn kiến thức đã có, năng lực đã được tích lũy trước đó. Quá trình giải quyết vấn đề, mâu thuẫn được giải tỏa thì cũng là lúc HS có kiến thức mới, có kĩ năng, kĩ xảo mới. Hay nói cách khác là HS có kiến thức mới và phương thức hành động mới.

Khi xây dựng những tình huống học tập cho HS, tổ chức định hướng, gợi mở cho HS tự phát hiện thì hơn ai hết, GV phải là người xác định một cách rõ ràng, chính xác mục đích của cuộc tìm tòi, hình thành những giả thuyết để HS có thể cân nhắc tìm những biện pháp đã biết để giải quyết nhiệm vụ học tập. Trong dạy học đọc hiểu văn bản văn học, cách thức này sẽ tạo được niềm tin, hứng thú học tập cũng như rèn luyện ý chí vượt khó cho HS. Với cách thức này, HS sẽ nhớ lâu, hiểu kĩ hơn bài học và có cơ hội, điều kiện rèn luyện tư duy, tích lũy kĩ năng học tập cho bản thân mình. Đây chính là cơ hội

thuận lợi để HS phát huy tính năng động, sáng tạo của bản thân.

GV có thể tiến hành theo các hình thức sau:

**- Đưa HS vào tình huống có vấn đề và để HS giải quyết vấn đề có sự hướng dẫn của GV.** Mức độ hướng dẫn của GV phụ thuộc vào trình độ HS, vào mức độ khó dễ, đơn giản hay phức tạp của vấn đề GV đưa ra. Nếu HS chưa được làm quen nhiều với cách học tập này, GV có thể nêu vấn đề, chỉ ra các bước từ đơn giản đến phức tạp giúp HS dần dần tìm ra những cách giải quyết vấn đề. GV có thể nêu vấn đề bằng một hệ thống câu hỏi, bài tập phù hợp với nội dung bài học và dần dần GV sẽ giảm bớt đi những gợi ý để HS đưa ra những câu hỏi nêu vấn đề cho bản thân và tự mình giải quyết.

Ví dụ:

Với văn bản “*Đây thôn Vĩ Dạ*” của Hàn Mặc Tử (**Ngữ văn 11**), GV có thể nêu cho HS một số vấn đề sau:

1. Mở đầu bài thơ là một câu hỏi tu từ. Đây là lời của ai hỏi? Giọng điệu hỏi cũng như ý nghĩa của lời hỏi?

Để có thể cắt nghĩa nội dung tiềm ẩn của câu hỏi trong câu thơ này, GV gợi ý, hướng dẫn HS dựa vào hoàn cảnh sáng tác của bài thơ và đặc trưng của thể loại trữ tình.

2. Thôn Vĩ không chỉ đẹp bởi cảnh mà còn đẹp bởi con người thôn Vĩ. Hình ảnh con người thôn Vĩ được hiện lên qua chi tiết nào? Hãy nêu cảm nhận của anh (chị) về điều đó?

Với câu hỏi này, GV có thể cung cấp những dữ liệu cho HS suy nghĩ, tranh luận, kiến giải về “*mặt chữ điền*”, “*lá trúc che ngang*”....

3. Bài thơ bao gồm 3 khổ thơ nhưng là ba bức tranh khác nhau tưởng như một sự chấp nối rời rạc, vụng về, ít liên hệ, gán bó. Có dòng chảy nào xuyên suốt các khổ thơ, bài thơ?

GV có thể gợi ý: Nhận xét sự biến đổi của cảnh vật và tâm trạng của chính thi nhân trong các khổ thơ. Chú ý các tín hiệu ngôn ngữ liên kết các khổ thơ.

**- Giải quyết vấn đề tự do có điều chỉnh.** Đây chính là sự kết hợp giữa tìm tòi tự do và tìm tòi có định hướng, hướng dẫn. GV nêu vấn đề và yêu cầu cả lớp học nghiên cứu và tìm ra các phương án để giải quyết vấn đề. GV ở vai trò là người hỗ trợ cho HS mỗi khi HS gặp khó khăn. Thay vì gợi ý trực tiếp GV chỉ nên dẫn dắt bằng câu hỏi và các phương án khác nhau để HS lựa chọn và tiếp tục tìm kiếm phương pháp mới.

Khi tổ chức cho HS đọc hiểu “*Chiếc thuyền ngoài xa*” của Nguyễn Minh Châu (**Ngữ văn 12**), GV có thể nêu vấn đề kèm theo những gợi ý là hệ thống câu hỏi như:

1. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh đã gọi phát hiện của mình tại vùng biển nọ là “*một cảnh đất trời cho*”. Anh (chị) hiểu gì về điều đó?

- Với vấn đề này, GV có thể dẫn dắt, gợi mở cho HS: Cảnh đất trời cho là thế nào? Cảm nhận của Phùng khi chiêm ngưỡng bức ảnh đó? Vì sao trong lúc cảm nhận anh ta lại nghĩ đến cái đúc kết của một ai đó: “*bản thân cái đẹp chính là đạo đức*”?

2. Sống cùng người chồng vũ phu, vì sao người đàn bà hàng chài lại không bỏ lão chồng theo lời khuyên của Chánh án Đầu?

- GV có thể hướng dẫn, gợi mở dần dần nhằm mục đích giúp các em giải quyết được vấn đề một cách hiệu quả nhất: Hình ảnh người chồng hiện lên qua lời chị vợ hàng chài như thế nào? Thái độ của chị đối với người chồng vũ phu như thế nào? Cách nhìn nhận gã chồng vũ phu của chị có gì khác so với cách nhìn nhận của Đầu, Phùng?

3. Mỗi khi ngắm bức ảnh được chọn, người nghệ sĩ thấy điều gì đằng sau bức tranh ấy? Theo em, những hình ảnh ấy tượng trưng cho điều gì? Tác giả muốn nhắn gửi điều gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời?

- Ở đây, GV có thể dẫn dắt, gợi mở cho HS bám sát những chi tiết, ngôn từ trong văn bản tác phẩm “*Mỗi lần nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ đều thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai. Và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy người đàn bà ấy bước ra khỏi tấm ảnh....*”.

- Để tìm ra mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời GV có thể cung cấp một số quan niệm của những nhà văn khác (Nam Cao: nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than; Vũ Trọng Phụng: các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết, còn tôi và các nhà văn cùng chí hướng với tôi muốn tiểu thuyết phải là sự thực ở đời; khác; G. Xăng: nghệ thuật không phải là sự mô tả thực tại có thực mà là sự tìm tòi chân lí, lí tưởng...).

- **Giải quyết vấn đề tự do.** Đây chính là hình thức áp dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề ở trình độ cao khi HS có thể tự mình phát hiện vấn đề, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, rút ra bài học sống, triết lí sống đúng đắn. Khi vận dụng hình thức này, HS sẽ có cơ hội thể hiện sự chủ động và tự tin vào chính bản thân mình, vào nguồn kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo và những năng lực đã có.

Ví dụ như tổ chức HS đọc hiểu văn bản “*Người lái đò sông Đà*” của Nguyễn Tuân (**Ngữ văn 12**), GV có thể nêu các vấn đề như sau:

1. Tại sao văn bản tập trung miêu tả chi tiết về hung bạo và trữ tình của Sông Đà nhưng lại có nhan đề “*Người lái đò sông Đà*”?

2. Anh (chị) có suy nghĩ gì về công việc của người lái đò? Từ hình tượng nhân vật này anh (chị) rút ra điều gì về cuộc sống?

3. Hãy chỉ ra một vài hình ảnh được Nguyễn Tuân sáng tạo trong văn bản mà anh (chị) cho là tinh tế, tài hoa và độc đáo. Phân tích, bình luận về nét đặc sắc của những hình ảnh đó.

### 3. Kết luận

Thực tiễn dạy học chỉ rõ việc đề xuất biện pháp này đặt ra yêu cầu GV phải vận dụng một cách linh hoạt. Căn cứ vào nội dung bài học, đối tượng HS cũng như đặc điểm thi pháp thể loại và những điều kiện dạy học cụ thể, GV có thể lựa chọn cho mình giải pháp tối ưu nhất. Xây dựng tình huống học tập Ngữ văn cụ thể có thể xem là một trong những biện pháp góp phần bồi dưỡng năng lực Ngữ văn cho HS thông qua những giờ học đọc hiểu văn bản văn chương ở nhà trường THPT. □

### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2007). *Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục trung học phổ thông môn Ngữ văn*. NXB Giáo dục.

[2] Nguyễn Thanh Hùng (2008). *Phương pháp dạy học Ngữ văn ở trung học cơ sở*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] Kharlamov I.F (1970). *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào?* NXB Giáo dục.

[4] Đỗ Ngọc Thống (2011). *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[5] Nguyễn Thị Hồng Vân (2013). *Phát triển chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo hướng tiếp cận năng lực*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học giáo dục về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam. NXB Đại học Sư phạm.

## KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐẶT MUA TẠP CHÍ GIÁO DỤC NĂM 2017

Tạp chí Giáo dục ra 1 tháng 2 kì, đặt mua thuận tiện tại các bưu cục địa phương (**Mã số C192**) hoặc đặt mua trực tiếp tại Toà soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội.**

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học đặt mua **Tạp chí Giáo dục năm 2017**. Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 024.37345363; Fax: 024.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC